
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

đã được soát xét bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

| Nội dung | Trang |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
| Báo cáo của Ban Giám đốc | 2 – 4 |
| Báo cáo kết quả công tác soát xét | 5-6 |
| Báo cáo tài chính văn phòng công ty giữa niên độ đã được soát xét | 7-37 |
| Bảng cân đối kế toán văn phòng công ty giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 | 7 – 10 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh văn phòng công ty giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 | 11 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ văn phòng công ty giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 | 12 – 13 |
| Bản thuyết minh Báo cáo tài chính văn phòng công ty giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 | 14 - 37 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính Văn phòng công ty giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông Số 3 tiền thân là Đoàn Quản lý đường sông số 3, trực thuộc Cục Đường sông Việt Nam. Công ty chuyên đổi sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần theo Quyết định số 4010/QĐ-BGTVT của Bộ giao thông vận tải ngày 25/10/2005. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 22.03.000524 đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 1 năm 2006 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp. Vốn điều lệ ban đầu là 18.344.450.000 đồng.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 4 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh, tăng vốn điều lệ, thay đổi người đại diện theo pháp luật. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 4 số 5700102567 được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 08 tháng 7 năm 2016.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 4: 106.697.300.000 VND

Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 30/06/2020: 106.697.300.000 VND

| Cổ đông | Vốn góp (VND) | Tỷ lệ (%) |
|-------------------------|------------------------|------------------|
| Ông Phạm Văn Phả | 15.000.000.000 | 14,06% |
| Bà Nguyễn Thị Việt Loan | 7.200.000.000 | 6,75% |
| Phạm Thị Ngọc Lan | 9.000.000.000 | 8,43% |
| Các cổ đông khác | 76.697.300.000 | 70,76% |
| Tổng | 106.697.300.000 | 100,00% |

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam
Điện thoại : 0203 835 799
Mã số thuế : 5 7 0 0 1 0 2 5 6 7

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh văn phòng công ty giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ văn phòng công ty giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính Văn phòng công ty giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 37).

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2020 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính Văn phòng công ty giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 3
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> |
|-------------------------|----------------|
| Bà Nguyễn Thị Việt Loan | Chủ tịch HĐQT |
| Ông Phạm Văn Phả | Ủy viên HĐQT |
| Ông Nguyễn Hải Anh | Ủy viên HĐQT |
| Ông Đỗ Công Hào | Ủy viên HĐQT |
| Ông Phạm Văn Chinh | Ủy viên HĐQT |

Ban kiểm soát

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> |
|---------------------------|----------------|
| Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền | Trưởng BKS |
| Bà Lê Thị Minh Thu | Thành viên BKS |
| Bà Ngô Thị Thu Lư | Thành viên BKS |

Ban Giám đốc

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> |
|--------------------|----------------|
| Ông Phạm Văn Phả | Giám đốc |
| Ông Nguyễn Hải Anh | Phó Giám đốc |
| Ông Đỗ Công Hào | Phó Giám đốc |

Kế toán trưởng

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> |
|------------------|----------------|
| Bà Bùi Nhật Lệ | Kế toán trưởng |

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã soát xét Báo cáo tài chính Văn phòng công ty giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính Văn phòng công ty giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ kế toán. Trong việc lập Báo cáo tài chính Văn phòng công ty này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính Văn phòng công ty;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính Văn phòng công ty trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính Văn phòng công ty.
- Lập Báo cáo tài chính Văn phòng công ty trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính Văn phòng công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 3
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính Văn phòng công ty; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các qui định có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính Văn phòng công ty giữa niên độ.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Quảng Ninh, ngày 12 tháng 08 năm 2020

Đại diện Ban Giám đốc



Phạm Văn Phả

Số : 2906.01.01/2020/BCTC-NVT2
Ngày : 12 tháng 08 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
Về Báo cáo tài chính giữa niên độ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông số 3

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông số 3, được lập ngày 12 tháng 08 năm 2020 từ trang 07 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông số 3 chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trụ Sở Chính:

Số 8, phố Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
[T] (84-24) 3761 3399 [F] (84-24) 3761 5599 [W] www.ntva.vn [E] vpa@ntva.vn

Chi nhánh tại Hà Nội:

Số 21 ngõ 80, phố Nhân Hòa, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:

104 - 106 Trần Lưu, Phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh tại TP. Hải Phòng:

K3/125, Tô Hiệu, P. Trại Cau, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của đơn vị 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hạnh

GCNĐKHNKT số: 1690-2018-124-1

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 3

Địa chỉ: Tô 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VĂN PHÒNG CÔNG TY GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-----------------------------------------------------|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 65.628.107.663 | 58.072.586.659 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 1.894.222.672 | 3.010.602.338 |
| 1. Tiền | 111 | | 1.894.222.672 | 1.749.522.077 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | 1.261.080.261 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 4.000.000.000 | - |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2a | 4.000.000.000 | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 58.283.583.666 | 53.089.024.300 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 33.446.846.289 | 45.565.476.638 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 8.637.149.000 | 3.073.101.000 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | 2.737.901.907 | 2.913.538.020 |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | V.5 | 10.975.244.542 | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.6a | 2.486.441.928 | 1.536.908.642 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | | - | - |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 1.179.223.586 | 1.972.960.021 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.7 | 1.179.223.586 | 1.972.960.021 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 271.077.739 | - |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.11a | 92.075.986 | - |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | - | - |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.14 | 179.001.753 | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 3

Địa chỉ: Tô 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán Văn phòng Công ty giữa niên độ (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 83.963.369.876 | 85.475.521.295 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 51.598.592.656 | 52.265.259.323 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.6b | 51.598.592.656 | 52.265.259.323 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 28.044.899.077 | 29.125.775.246 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.8 | 10.364.159.077 | 11.445.035.246 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 30.318.506.543 | 30.143.609.308 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (19.954.347.466) | (18.698.574.062) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.9 | 17.680.740.000 | 17.680.740.000 |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | 17.680.740.000 | 17.680.740.000 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | - | - |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 231 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 852.571.021 | 834.676.990 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.10 | 852.571.021 | 834.676.990 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 2.450.000.000 | 2.450.000.000 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | V.2b | 2.450.000.000 | 2.450.000.000 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | - | - |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 1.017.307.122 | 799.809.736 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.11b | 1.017.307.122 | 799.809.736 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 149.591.477.539 | 143.548.107.954 |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán Văn phòng Công ty giữa niên độ (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-----------------------------------------------------|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| | | | | |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 37.126.382.722 | 27.961.545.227 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 27.610.889.362 | 22.896.881.478 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.12 | 557.816.643 | 4.495.740.460 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.13 | 14.664.123.401 | 3.298.333.000 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.14 | 528.960.330 | 3.945.103.679 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 903.569.435 | 2.253.756.828 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.15 | 2.170.302.402 | 115.553.097 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.16a | 6.771.242.332 | 435.052.108 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.17 | 1.707.304.265 | 7.912.386.752 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.18 | 307.570.554 | 440.955.554 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 9.515.493.360 | 5.064.663.749 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | V.16b | 9.515.493.360 | 5.064.663.749 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | | - | - |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 3

Địa chỉ: Tô 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán Văn phòng Công ty giữa niên độ (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 112.465.094.817 | 115.586.562.727 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.19 | 112.465.094.817 | 115.586.562.727 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 106.697.300.000 | 106.697.300.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 106.697.300.000 | 106.697.300.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | - |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 2.155.617.066 | 655.617.066 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 3.612.177.751 | 8.233.645.661 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 331.807.661 | 254.803.270 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 3.280.370.090 | 7.978.842.391 |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 149.591.477.539 | 143.548.107.954 |

Người lập biểu

Đinh Thị Toàn

Kế toán trưởng

Bùi Nhật Lệ

Lập, ngày 12 tháng 08 năm 2020



Giám đốc

Phạm Văn Phả

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VĂN PHÒNG CÔNG TY

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------------------------|-------|-------------|-----------------------------------|----------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 19.011.793.973 | 22.350.643.981 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 19.011.793.973 | 22.350.643.981 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 11.815.882.336 | 14.981.319.006 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 7.195.911.637 | 7.369.324.975 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 43.403.067 | 10.174.264 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 172.512.699 | 57.225.991 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 172.512.699 | 57.225.991 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | | - | - |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.5 | 2.899.459.568 | 2.729.996.448 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 4.167.342.437 | 4.592.276.800 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.6 | - | 492.375.955 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.7 | 925.530 | 110.561.998 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | (925.530) | 381.813.957 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 4.166.416.907 | 4.974.090.757 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | VI.8 | 543.744.037 | 1.034.309.415 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>3.622.672.870</u> | <u>3.939.781.342</u> |

Người lập biểu

Đinh Thị Toàn

Kế toán trưởng

Bùi Nhật Lệ



Giám đốc

Phạm Văn Phả

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẤN PHÒNG CÔNG TY GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ VẤN PHÒNG CÔNG TY GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Đơn vị tính: VND | |
|---------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|-----------------------------------|----------------------|
| | | | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
| | | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | 01 | | 32.664.480.306 | 20.624.657.877 |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ | 02 | | (15.338.149.864) | (9.199.952.564) |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động | 03 | | (5.949.733.838) | (4.657.172.259) |
| 4. Tiền lãi vay đã trả | 04 | | (175.252.205) | (60.673.269) |
| 5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 05 | | (2.056.663.011) | (1.550.056.605) |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 06 | | 7.637.199.867 | 1.018.530.864 |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 07 | | (7.699.408.075) | (5.382.838.693) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 9.082.473.180 | 792.495.351 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | | - | (70.000) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | - | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (4.000.000.000) | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | 4.400.000.000 |
| 5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | (2.450.000.000) |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 6.229.641 | 143.071.169 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (3.993.770.359) | 2.093.001.169 |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ văn phòng công ty giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|-----------------------------------|----------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | | 1.707.304.265 | 1.692.444.060 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | (7.912.386.752) | (2.599.995.508) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (6.205.082.487) | (907.551.448) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | | (1.116.379.666) | 1.977.945.072 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 3.010.602.338 | 234.420.990 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | V.1 | 1.894.222.672 | 2.212.366.062 |

Người lập biểu

Đinh Thị Toàn

Kế toán trưởng

Bùi Nhật Lệ

Lập ngày 12 tháng 08 năm 2020

Giám đốc



Phạm Văn Phả

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty giữa niên độ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Quản lý, bảo dưỡng đường thủy nội địa; tư vấn lập phương án và tổ chức, điều tiết, khống chế đảm bảo giao thông đường thủy nội địa.
3. **Ngành nghề kinh doanh** :
Ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:
 - Hoạt động quản lý nhà nước trong các lĩnh vực kinh tế chuyên ngành. Chi tiết: Quản lý, bảo trì đường thủy nội địa; Tư vấn, lập phương án và tổ chức; Điều tiết, khống chế bảo đảm giao thông đường thủy nội địa;
 - Bốc xếp hàng hóa;
 - Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
 - Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
 - Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch;
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy. Chi tiết: Hoa tiêu đường thủy nội địa; Nạo vét, trục vớt, thanh thải chướng ngại vật đường thủy nội địa;
 - Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
 - Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao). Chi tiết: Massage;
 - Đóng tàu và cầu kiện nổi;
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ đại lý tàu biển;
 - Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
 - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống, duy tu kè, cột thủy trí, chính trị sông...; Sản xuất và sửa chữa lắp đặt báo hiệu đường thủy nội địa; Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng;
 - Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)/.
4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**: Trong vòng 12 tháng
5. **Số lượng người lao động đến ngày 30 tháng 06 năm 2020**: 77 lao động
6. **Cấu trúc doanh nghiệp**:
Các đơn vị trực thuộc:

| Tên đơn vị | Địa chỉ |
|--------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|
| Xí nghiệp cơ khí – Công trình | Tổ 1, Khu 2, phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Quản lý đường sông số 3 tại Hà Nội | Số 6, phố Lương Ngọc Quyến, phường Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội |
7. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC**: Số liệu BCTC Văn phòng Công ty giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 hoàn toàn nhất quán và

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Văn phòng công ty giữa niên độ (tiếp theo)

đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC Văn phòng Công ty năm 2019 và số liệu BCTC Văn phòng Công ty giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

i. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Giá trị các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được đánh giá theo số thực tế có thể thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Văn phòng công ty giữa niên độ (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh có đầy đủ chứng từ hợp lý hợp lệ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo qui định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu.

Công ty thực hiện đánh giá trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi vào cuối năm tài chính.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối năm khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại vật tư, hàng hóa, sản phẩm tồn kho theo qui định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu...

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 25 |
| Máy móc và thiết bị | 03 - 07 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 03 - 11 |

b) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐVH

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 4A ngõ Phát Lộc, phường Hàng Bui, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Quyền sử dụng đất có thời hạn sử dụng lâu dài, nguyên giá được xác định theo chứng thư thẩm định giá số 408/2016/CTTĐG-CIMEICO ngày 18 tháng 19 năm 2016 của Công ty TNHH Định giá CIMEICO.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Văn phòng công ty giữa niên độ (tiếp theo)

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Các chi phí khác

Các chi phí khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí thực tế phát sinh phải được quyết toán với chi phí phải trả đã trích trước, chênh lệch sẽ được hoàn nhập hoặc hạch toán tiếp vào chi phí.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Các khoản phải trả chưa phát sinh do chưa nhận hàng hóa, dịch vụ nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh kỳ này để đảm bảo khi phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh được phản ánh là dự phòng phải trả.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Văn phòng công ty giữa niên độ (tiếp theo)

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Các quỹ khác

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó./.

b) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn./.

13. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

• Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.

• Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập

14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Văn phòng công ty giữa niên độ (tiếp theo)

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phân chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

15. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

17. Công cụ tài chính

i. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Văn phòng công ty giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

ii. Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

iii. Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Văn phòng công ty giữa niên độ (tiếp theo)

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.2

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VĂN PHÒNG CÔNG TY GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Tiền mặt | 514.456.862 | 27.668.477 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 1.379.765.810 | 1.721.853.600 |
| Các khoản tương đương tiền | - | 1.261.080.261 |
| - Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng | - | 1.261.080.261 |
| Cộng | <u>1.894.222.672</u> | <u>3.010.602.338</u> |

2. Các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|--------------------|-----------------------------|-----------------------------|-------------------|-----------------------|
| | <u>Giá gốc</u> | <u>Giá trị ghi sổ</u> | <u>Giá gốc</u> | <u>Giá trị ghi sổ</u> |
| Tiền gửi có kỳ hạn | 4.000.000.000 | 4.000.000.000 | - | - |
| Cộng | <u>4.000.000.000</u> | <u>4.000.000.000</u> | <u>-</u> | <u>-</u> |

b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Nghị quyết hội đồng quản trị số 246/NQ-CTCPDDS3 ngày 28 tháng 9 năm 2018 thông qua việc góp vốn thành lập Công ty TNHH hai thành viên Đường An Phú, theo đó Công ty Cổ phần quản lý Đường sông số 3 góp 2.450.000.000 VNĐ tương đương 25% vốn điều lệ nhằm mục đích đầu tư thực hiện dự án xây dựng công trình nhà dịch vụ, thương mại và khách sạn tại phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Văn phòng công ty giữa niên độ (tiếp theo)

3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | 26.886.433.492 | 26.393.078.755 |
| Công ty Cổ phần du lịch AST | 26.886.433.492 | 26.393.078.755 |
| <i>Phải thu các khách hàng khác</i> | 6.560.412.797 | 19.172.397.883 |
| Ban quản lý Vịnh Hạ Long | 3.329.512.274 | 4.895.592.374 |
| Cục đường thủy nội địa Việt Nam | - | 10.661.874.606 |
| Các khách hàng khác | 3.230.900.523 | 3.614.930.903 |
| Cộng | <u>33.446.846.289</u> | <u>45.565.476.638</u> |

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| <i>Trả trước cho các bên liên quan</i> | 6.500.000.000 | 2.000.000.000 |
| Công ty TNHH Hai Thành viên Đường An Phú | 6.500.000.000 | 2.000.000.000 |
| <i>Trả trước cho người bán khác</i> | 2.137.149.000 | 1.073.101.000 |
| Công ty Cổ phần đảm bảo an toàn đường thủy Mạnh Hưng | 1.069.948.000 | - |
| Các nhà cung cấp khác | 1.067.201.000 | 1.073.101.000 |
| Cộng | <u>8.637.149.000</u> | <u>3.073.101.000</u> |

5. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------------------------------------------|------------------------------|-------------------|
| Công trình điều tiết sông Chanh | 1.772.997.272 | - |
| Công trình Quản lý bảo trì đường thủy nội bộ quốc gia KV15 | 3.181.818.181 | - |
| Công trình Quản lý bảo trì đường thủy nội bộ quốc gia KV14 | 2.636.363.635 | - |
| Các công trình khác | 3.384.065.454 | - |
| Cộng | <u>10.975.244.542</u> | <u>-</u> |

Là khoản phải thu theo tiến độ công trình thực hiện Quý I và Quý II năm 2020 đang trong thời gian chờ nghiệm thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 3

Địa chỉ: Tô 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Văn phòng công ty giữa niên độ (tiếp theo)**6. Phải thu khác****a) Ngắn hạn**

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|-------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------|----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác | 2.486.441.928 | - | 1.536.908.642 | - |
| Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh - lãi tiền gửi hợp đồng có kỳ hạn | 38.575.342 | - | 1.401.916 | - |
| Thuế TNCN phải nộp | - | - | 142.540.062 | - |
| Tạm ứng | 49.886.000 | - | - | - |
| Ký cược, ký quỹ | 2.397.980.586 | - | 1.390.619.887 | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | - | - | 2.346.777 | - |
| Cộng | 2.486.441.928 | - | 1.536.908.642 | - |

b) Dài hạn

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|-----------------------------------------------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Phải thu các bên liên quan | 34.166.666.656 | - | 34.833.333.323 | - |
| Bà Nguyễn Thị Việt Loan - ký cược, ký quỹ (*) | 34.166.666.656 | - | 34.833.333.323 | - |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác | 17.431.926.000 | - | 17.431.926.000 | - |
| Công ty Cổ phần đầu tư thương mại xây dựng Sông Hồng (**) | 17.431.926.000 | - | 17.431.926.000 | - |
| Cộng | 51.598.592.656 | - | 52.265.259.323 | - |

(*) Theo Hợp đồng đặt cọc về việc thuê địa điểm kinh doanh khách sạn tại Số 06 Lương Ngọc Quyến, phường Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội số 19A/2017/HĐĐC-ĐS3 ký ngày 01 tháng 6 năm 2017. Số tiền đặt cọc là 40 tỷ đồng trong thời gian 20 năm, để đảm bảo thực hiện Hợp đồng thuê địa điểm kinh doanh khách sạn tại số 06 Lương Ngọc Quyến, Hoàn Kiếm, Hà Nội số 19/2016/HĐTKS-ĐS3 ký ngày 22 tháng 10 năm 2016 giữa Bà Nguyễn Thị Việt Loan và Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông Số 3 (DS3). Số tiền đặt cọc được giải tỏa dần hàng tháng và được trừ để thực hiện nghĩa vụ trả tiền thuê địa điểm kinh doanh kể từ tháng 6 năm 2017. Nếu trong thời gian của hợp đồng, DS3 từ chối nghĩa vụ đã thỏa thuận thì sẽ bị mất toàn bộ tiền đặt cọc; nếu Bà Nguyễn Thị Việt Loan từ chối nghĩa vụ đã thỏa thuận thì ngoài việc hoàn trả số tiền đặt cọc còn phải nộp phạt số tiền bằng số tiền đặt cọc.

(**) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 09/2017/HĐHTĐT ký ngày 25 tháng 6 năm 2017 giữa Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông Số 3 (DS3) và Công ty Cổ phần đầu tư thương mại Xây dựng Sông Hồng. Qua đó, hai bên cùng hợp tác để hoàn thiện Dự án Đầu tư Xây dựng khu nhà ở dân dân tại địa chỉ số 35, phường Nam Đồng, quận Đống Đa, Hà Nội theo hình thức hợp tác đầu tư mà không thành lập pháp nhân. Cụ thể: DS3 đồng ý góp vốn bằng 30% tổng vốn đầu tư cho toàn bộ dự án theo khái toán là (58.106.420.000 x 30%), số tiền 17.431.926.000 đồng và trở thành chủ sở hữu 30% giá trị thương mại của Dự án. Thời hạn hợp tác đầu tư là 60 tháng và có thể gia hạn theo thỏa thuận bằng văn bản.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Văn phòng công ty giữa niên độ (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--------------------------------------|----------------------|----------|----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 23.976.566 | - | 19.265.523 | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 1.155.247.020 | - | 1.953.694.498 | - |
| Cộng | 1.179.223.586 | - | 1.972.960.021 | - |

8. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Cộng |
|---------------------------------------|------------------------|---------------------|---------------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Số đầu năm | 8.234.274.476 | 787.083.065 | 21.122.251.767 | 30.143.609.308 |
| Tăng do đầu tư XDCB hoàn thành | - | - | 174.897.235 | 174.897.235 |
| Số cuối kỳ | 8.234.274.476 | 787.083.065 | 21.297.149.002 | 30.318.506.543 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 455.147.980 | 725.501.538 | 3.770.065.398 | 4.950.714.916 |
| Giá trị hao mòn | | | | |
| Số đầu năm | 3.158.513.668 | 774.799.945 | 14.765.260.449 | 18.698.574.062 |
| Khấu hao trong kỳ | 187.538.838 | 6.158.154 | 1.062.076.412 | 1.255.773.404 |
| Số cuối kỳ | 3.346.052.506 | 780.958.099 | 15.827.336.861 | 19.954.347.466 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Số đầu năm | 5.075.760.808 | 12.283.120 | 6.356.991.318 | 11.445.035.246 |
| Số cuối kỳ | 4.888.221.970 | 6.124.966 | 5.469.812.141 | 10.364.159.077 |

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 2.654.616.033 VND và 210.272.111 VND đang được thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam- Chi nhánh Quảng Ninh.

9. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE333849 tại địa chỉ số 4A ngõ Phát Lộc, phường Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội được cấp ngày 15 tháng 11 năm 2016.

10. Xây dựng cơ bản dở dang

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong kỳ | Giảm trong kỳ | Số cuối kỳ |
|-------------------------------------------------------|--------------------|----------------------------|----------------------|--------------------|
| Công trình Nhà Thương mại và Khách sạn Phường Hồng Hà | 288.114.823 | - | - | 288.114.823 |
| Sửa chữa lớn tài sản khác | 546.562.167 | 883.707.484 | (865.813.453) | 564.456.198 |
| Cộng | 834.676.990 | 883.707.484 | (865.813.453) | 852.571.021 |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 3

Địa chỉ: Tô 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Văn phòng công ty giữa niên độ (tiếp theo)**11. Chi phí trả trước****a) Ngắn hạn**

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------|--------------------------|-------------------|
| Công cụ dụng cụ | 92.075.986 | - |
| Cộng | <u>92.075.986</u> | <u>-</u> |

b) Dài hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------------------|-----------------------------|---------------------------|
| Công cụ dụng cụ | 264.095.181 | 581.009.401 |
| Chi phí sửa chữa | 753.211.941 | 198.213.668 |
| Các chi phí trả trước dài hạn khác | - | 20.586.667 |
| Cộng | <u>1.017.307.122</u> | <u>799.809.736</u> |

12. Phải trả người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------------------------------------|---------------------------|-----------------------------|
| <i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i> | <i>557.816.643</i> | <i>4.495.740.460</i> |
| DNTN_Xí nghiệp thương mại Cao Xanh | 175.007.000 | - |
| Công ty Cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 7 | 118.907.881 | - |
| Công ty CP cơ khí thương mại và xây dựng Hải Phòng | - | 1.601.238.463 |
| Các nhà cung cấp khác | 263.901.762 | 2.894.501.997 |
| Cộng | <u>557.816.643</u> | <u>4.495.740.460</u> |

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|------------------------------------------------------|------------------------------|------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
| | <u>Giá trị</u> | <u>Số có khả năng trả nợ</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Số có khả năng trả nợ</u> |
| <i>Trả trước của các khách hàng khác</i> | <i>14.664.123.401</i> | <i>14.664.123.401</i> | <i>3.298.333.000</i> | <i>3.298.333.000</i> |
| Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng Thị xã Đông Triều | 1.547.927.000 | 1.547.927.000 | 3.198.333.000 | 3.198.333.000 |
| Công ty Cổ phần TMXD cơ khí điện tự động hóa COMEECO | 100.000.000 | 100.000.000 | 100.000.000 | 100.000.000 |
| Cục đường thủy nội địa Việt Nam | 9.648.148.401 | 9.648.148.401 | - | - |
| Công ty Cổ phần Xây dựng cầu 75 | 2.768.048.000 | 2.768.048.000 | - | - |
| Các đối tượng khác | 600.000.000 | 600.000.000 | - | - |
| Cộng | <u>14.664.123.401</u> | <u>14.664.123.401</u> | <u>3.298.333.000</u> | <u>3.298.333.000</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẤN PHÒNG CÔNG TY GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Văn phòng công ty giữa niên độ (tiếp theo)**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

| | Số đầu năm | | Số phát sinh trong kỳ | | Số cuối kỳ | |
|----------------------------|----------------------|----------|-----------------------|------------------------|--------------------|--------------------|
| | Phải nộp | Phải thu | Số phải nộp | Số đã nộp | Phải nộp | Phải thu |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 1.525.967.248 | - | 264.173.393 | (1.950.364.834) | - | 160.224.193 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 2.041.879.304 | - | 543.744.037 | (2.056.663.011) | 528.960.330 | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | 377.257.127 | - | 77.635.056 | (473.669.743) | - | 18.777.560 |
| Cộng | 3.945.103.679 | - | 885.552.486 | (4.480.697.588) | 528.960.330 | 179.001.753 |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--------------------------|----------------------|--------------------|
| Chi phí lãi vay phải trả | 4.715.517 | 7.455.023 |
| Chi phí thuê ngoài | 2.165.586.885 | 108.098.074 |
| Cộng | 2.170.302.402 | 115.553.097 |

16. Phải trả khác**a) Ngắn hạn**

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|------------------------------------------------------|----------------------|--------------------|
| Phải trả các bên liên quan | 1.355.961.600 | - |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả ban lãnh đạo | 1.355.961.600 | - |
| Phải trả các đơn vị và cá nhân khác | 5.415.280.732 | 435.052.108 |
| Kinh phí công đoàn | 8.812.967 | 19.970.904 |
| Bảo hiểm xã hội | 81.460.108 | - |
| Bảo hiểm y tế | 14.958.495 | - |
| Bảo hiểm thất nghiệp | 6.648.219 | - |
| Công ty Cổ phần đầu tư thương mại xây dựng sông Hồng | 215.000.000 | 215.000.000 |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả các đối tượng khác | 5.045.876.400 | - |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 42.524.543 | 200.081.204 |
| Cộng | 6.771.242.332 | 435.052.108 |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Văn phòng công ty giữa niên độ (tiếp theo)

b) Dài hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Phải trả các bên liên quan | 2.411.543.360 | 2.547.663.749 |
| Bà Nguyễn Thị Việt Loan- hợp tác kinh doanh(*) | 2.411.543.360 | 2.547.663.749 |
| Phải trả các tổ chức và cá nhân khác | 7.103.950.000 | 2.517.000.000 |
| Ông Như Ánh Dương - phải trả chi phí hợp tác kinh doanh khu dịch vụ (**) | 517.000.000 | 517.000.000 |
| Công ty TNHH Hai thành viên An Phú (***) | 6.586.950.000 | 2.000.000.000 |
| Cộng | 9.515.493.360 | 5.064.663.749 |

(*) Là khoản phải trả Bà Nguyễn Thị Việt Loan theo các hợp đồng:

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 12/2012/HĐHTKD-CTCPĐS3 về việc đóng mới tàu thủy lưu trú du lịch ký ngày 20 tháng 9 năm 2012 giữa Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông Số 3 và Bà Nguyễn Thị Việt Loan. Theo đó, 2 bên đồng ý góp vốn để đóng mới tàu thủy lưu trú du lịch với thép với thời gian hợp tác là 20 năm, tỷ lệ phân chia là DS3 60% và Bà Nguyễn Thị Việt Loan 40%

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh chia lợi nhuận số 01/2019/HĐKD ký ngày 01 tháng 01 năm 2019 thống nhất phân chia lợi nhuận sau thuế tàu du lịch Cristina Cruise QN-7868, bà Nguyễn Thị Việt Loan được hưởng lợi ích là 45% của 25% doanh thu hoạt động kinh doanh của tàu du lịch Cristina Cruise QN-7868.

- Phụ lục hợp đồng số 01/2019/PLHĐHTKD, thay đổi tỷ lệ lợi ích được hưởng của bà Nguyễn Thị Việt Loan là 45% của 40% doanh thu hoạt động kinh doanh của tàu du lịch Cristina Cruise QN-7868.

(**) Khoản phải trả theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông số 3 (bên A) và Công ty TNHH Hai thành viên An Phú (bên B) với người đại diện là Ông Như Ánh Dương. Qua đó, Hai bên A và B đồng ý hợp tác góp vốn để xây dựng khu Dịch vụ và Khách sạn tại khu B theo tổng mặt quy hoạch cải tạo tỷ lệ 1/500 được UBND tỉnh Quảng Ninh duyệt ngày 24 tháng 11 năm 2003. Khu B được xác định theo:

- Quyết định số 2691/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2007 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc “Cho Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông Số 3 được chuyển giao từ đất không thu tiền sử dụng đất sang thuê đất để xây dựng trụ sở văn phòng và khu du lịch tại Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long”. Khu đất cụ thể đất thuê theo Bản đồ hiện trạng xin thuê đất tỷ lệ 1/200 đã được UBND tỉnh phê duyệt ngày 31/7/2007. Theo đó, khu B với diện tích 469,5m² được Công ty thuê để xây dựng khu dịch vụ.

- Quyết định số 3972/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2016 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc “Cho thuê bổ sung và điều chỉnh ranh giới, diện tích thuê đất cho Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông Số 3 theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm để xây dựng trụ sở và khu dịch vụ tại Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long” kèm theo Bản trích lục và đo vẽ bổ sung điều chỉnh ranh giới xin thuê đất. Theo đó, diện tích khu B Công ty thuê đất xây dựng khu dịch vụ tăng lên 813,3m².

(***) Là khoản phải trả tiền hợp tác kinh doanh Công ty TNHH Hai thành viên An Phú theo Hợp đồng hợp tác và đầu tư kinh doanh số 18.1/2018/HĐHTKD-ĐS3-AP ký ngày 24 tháng 8 năm 2018 giữa Công ty Cổ phần Quản lý Đường Sông số 3 (Bên A) và Công ty TNHH Hai thành viên An Phú (Bên B); xét thấy trên các điều kiện, cơ sở cho phép hai bên đồng thuận ký kết hợp đồng hợp tác xây dựng, vận hành công trình Nhà dịch vụ, thương mại và khách sạn tại phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long theo 03 giai đoạn:

Giai đoạn cấp phép: Bên A có nghĩa vụ đại diện cho các bên thực hiện các thủ tục xin cấp phép, chấp thuận và thực hiện đầy đủ các thủ tục hành chính khác tại các Cơ quan Nhà Nước có thẩm

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Văn phòng công ty giữa niên độ (tiếp theo)

quyền. Các bên thành lập một Công ty TNHH do các Bên là thành viên góp vốn tên: Công ty TNHH Hai thành viên Đường An Phú (Chi tiết xem tại thuyết minh V.2b)

Giai đoạn xây dựng: Bên A đại diện cho các bên ký kết các hợp đồng với bên Công ty TNHH Hai thành viên Đường An Phú thi công xây dựng Công trình, đại diện cho các bên ký kết các hợp đồng cung ứng điện, nước, hệ thống phòng cháy chữa cháy.

Giai đoạn vận hành: Các bên thống nhất giao cho Bên A ký kết hợp đồng cho bên Công ty TNHH Hai thành viên Đường An Phú thuê toàn bộ dự án và quản lý kinh doanh.

Tổng mức đầu tư của dự án: 35.000.000.000 VND trong đó: Bên A góp vốn bằng tiền: 8.750.000.000 VND gồm: góp vốn thành lập Công ty TNHH Hai thành viên Đường An Phú tương đương với 25% vốn điều lệ số tiền: 2.450.000.000 VND, góp vốn xây dựng Công trình 25% là: 6.300.000.000 VND; Bên B góp vốn bằng tiền: 26.250.000.000 VND gồm: góp vốn thành lập Công ty TNHH Hai thành viên Đường An Phú tương đương 75% vốn điều lệ số tiền: 7.350.000.000 VND, góp vốn xây dựng Công trình 75% là: 18.900.000.000 VND.

Phân chia lợi nhuận và rủi ro: Lợi nhuận phát sinh từ Dự án sẽ được các bên phân chia tương ứng với tỷ lệ góp vốn đầu tư. Mọi rủi ro, chi phí phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng này, các bên sẽ cùng nhau trao đổi trên tinh thần thiện chí nhằm đưa ra phương án giải quyết. Trong trường hợp các bên không thống nhất được ý kiến sẽ phân chia tỷ lệ rủi ro theo tỷ lệ vốn góp đầu tư.

17. Vay và nợ ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|-------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Vay ngắn hạn các ngân hàng khác | 1.707.304.265 | 1.707.304.265 | 3.912.386.752 | 3.912.386.752 |
| <i>Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh(*)</i> | <i>1.707.304.265</i> | <i>1.707.304.265</i> | <i>3.912.386.752</i> | <i>3.912.386.752</i> |
| Vay ngắn hạn các cá nhân | - | - | 4.000.000.000 | 4.000.000.000 |
| <i>Vay Ông Tạ Xuân Hiền(**)</i> | <i>-</i> | <i>-</i> | <i>4.000.000.000</i> | <i>4.000.000.000</i> |
| Cộng | 1.707.304.265 | 1.707.304.265 | 7.912.386.752 | 7.912.386.752 |

(*) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam- Chi nhánh Quảng Ninh theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 00481/2019/HĐTĐ ký ngày 07 tháng 10 năm 2019. Tổng hạn mức cho vay ngắn hạn là 7.510.000.000 VND, hạn mức bảo lãnh là 15.940.000.000 VND, thời hạn duy trì hạn mức tín dụng là: 12 tháng kể từ ngày 07 tháng 10 năm 2019, lãi suất vay được quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bởi: Tài sản đảm bảo gồm:

- Là 1 xe ô tô Camry 2.4G, biển kiểm soát 14A-252.32, giá trị theo biên bản định giá tài sản là 545.000.000 đồng.

- Giá trị tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 25, tờ bản đồ số 42 Phường Hồng Hà, Thành Phố Hạ Long theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 919801, vào sổ GCN CT05778 do Sở TNMT tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 23/01/2017 đứng tên Công ty Cổ phần Quản lý Đường Sông số 3, giá trị theo biên bản định giá là 3.161.000.000 đồng;

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại ô đất số 16, khu TT ban bảo vệ chính trị nội bộ TW xã Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội, theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 128802, số vào sổ cấp GCN: CH 01362 do UBND huyện Từ Liêm cấp ngày 14/02/2012 đứng tên Ông Phạm Cẩm Ngọc;

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 150, tờ bản đồ số 33, tổ 2 khu 1 phường Hồng Hà, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 478224, số vào sổ cấp GCN: CH01538 do UBND thành phố Hạ Long cấp ngày 06/12/11 đứng tên Ông Phạm Văn Dũng và Bà Bùi Thị Hạnh.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Văn phòng công ty giữa niên độ (tiếp theo)

(**) Là khoản vay Ông Tạ Xuân Hiền theo hợp đồng vay tiền ký ngày 05 tháng 12 năm 2019 số tiền cho vay: 4.000.000.000 VND, thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất cho vay: 11%/năm.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính như sau:

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u> | <u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u> | <u>Số cuối kỳ</u> |
|--------------------------|----------------------|---------------------------------------|------------------------------------|----------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 3.912.386.752 | 1.707.304.265 | (3.912.386.752) | 1.707.304.265 |
| Vay ngắn hạn các cá nhân | 4.000.000.000 | - | (4.000.000.000) | - |
| Cộng | 7.912.386.752 | 1.707.304.265 | (7.912.386.752) | 1.707.304.265 |

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | <u>Kỳ này</u> |
|--------------------------------|--------------------|
| Số đầu năm | 440.955.554 |
| Tăng do trích lập từ lợi nhuận | - |
| Chi quỹ | (133.385.000) |
| Số cuối kỳ | 307.570.554 |

19. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| | <u>Vốn góp của chủ sở hữu</u> | <u>Quỹ đầu tư phát triển</u> | <u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u> | <u>Cộng</u> |
|---------------------------------------------------|-------------------------------|------------------------------|------------------------------------------|------------------------|
| Số đầu năm trước | 106.697.300.000 | 327.808.533 | 8.578.044.303 | 115.603.152.836 |
| Lợi nhuận văn phòng trong năm trước | - | - | 7.898.197.924 | 7.898.197.924 |
| Lợi nhuận chi nhánh chuyển về Văn phòng năm trước | - | - | 80.644.467 | 80.644.467 |
| Trích quỹ khen thưởng phúc lợi | - | - | (526.621.500) | (526.621.500) |
| Trích quỹ đầu tư phát triển | - | 327.808.533 | (327.808.533) | - |
| Chia cổ tức, lợi nhuận | - | - | (7.468.811.000) | (7.468.811.000) |
| Số dư cuối năm trước | 106.697.300.000 | 655.617.066 | 8.233.645.661 | 115.586.562.727 |
| Số dư đầu năm nay | 106.697.300.000 | 655.617.066 | 8.233.645.661 | 115.586.562.727 |
| Lợi nhuận văn phòng trong kỳ này | - | - | 3.622.672.870 | 3.622.672.870 |
| Lợi nhuận chi nhánh chuyển về văn phòng kỳ này | - | - | (342.302.780) | (342.302.780) |
| Trích quỹ khen thưởng phúc lợi | - | - | - | - |
| Trích lập quỹ đầu tư phát triển | - | 1.500.000.000 | (1.500.000.000) | - |
| Chia cổ tức, lợi nhuận | - | - | (6.401.838.000) | (6.401.838.000) |
| Số dư cuối kỳ này | 106.697.300.000 | 2.155.617.066 | 3.612.177.751 | 112.465.094.817 |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Văn phòng công ty giữa niên độ (tiếp theo)**b) Cổ phiếu**

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 10.669.730 | 10.669.730 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng | 10.669.730 | 10.669.730 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 10.669.730 | 10.669.730 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | | |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| - Cổ phiếu phổ thông | | |
| - Cổ phiếu ưu đãi | | |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 10.669.730 | 10.669.730 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 10.669.730 | 10.669.730 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | | |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

c) Phân phối lợi nhuận

Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 số 115/2020/ĐS3/NQ - ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 06 năm 2020 như sau:

| | VND |
|-----------------------------------------|---------------|
| • Chia cổ tức/lợi nhuận cho các cổ đông | 6.401.838.000 |
| • Trích quỹ khen thưởng phúc lợi | - |
| • Trích quỹ đầu tư phát triển | 1.500.000.000 |

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VĂN PHÒNG CÔNG TY GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu**

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|-----------------------------------------------------------------|-----------------------------------|------------------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Doanh thu quản lý, bảo trì, tư vấn giám sát, lắp đặt đường thủy | 17.887.654.940 | 19.304.611.951 |
| Doanh thu vận chuyển hành khách trên tàu | 686.576.125 | 2.161.951.680 |
| Doanh thu cho thuê khách sạn (*) | 110.000.000 | 420.000.000 |
| Doanh thu hoạt động khác | 327.562.908 | 464.080.350 |
| Cộng | <u>19.011.793.973</u> | <u>22.350.643.981</u> |

(*) Theo Hợp đồng cho thuê địa điểm kinh doanh số 4A, ngõ Phát Lộc, phường Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội số 16/2017/HỆTDKD ký ngày 15 tháng 11 năm 2017 giữa Công ty Cổ phần quản lý đường sông số 3 và Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|------------------------------------------------------|-----------------------------------|------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Công ty Cổ phần Du lịch AST-dịch vụ vận chuyển khách | 686.576.125 | 2.161.951.680 |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Văn phòng công ty giữa niên độ (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Giá vốn quản lý, bảo trì, tư vấn giám sát, lắp đặt đường thủy | 9.881.162.831 | 12.603.027.781 |
| Giá vốn vận chuyển hành khách trên tàu | 1.005.254.962 | 1.609.630.282 |
| Giá vốn cho thuê khách sạn | 404.827.834 | 404.827.834 |
| Giá vốn hoạt động khác | 524.636.709 | 363.833.109 |
| Cộng | 11.815.882.336 | 14.981.319.006 |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---------------------------|-----------------------------------|-------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn | 41.556.507 | 8.892.365 |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 1.846.560 | 1.281.899 |
| Cộng | 43.403.067 | 10.174.264 |

4. Chi phí lãi vay

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|-----------------|-----------------------------------|-------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí lãi vay | 172.512.699 | 57.225.991 |
| Cộng | 172.512.699 | 57.225.991 |

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí cho nhân viên | 1.636.714.716 | 1.561.709.185 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 22.471.818 | 29.645.746 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 36.089.818 | 19.429.762 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 27.856.938 | 27.856.938 |
| Thuế, phí và lệ phí | 9.040.007 | 56.719.295 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 979.332.561 | 786.812.924 |
| Các chi phí khác | 187.953.710 | 247.822.598 |
| Cộng | 2.899.459.568 | 2.729.996.448 |

6. Chi phí khác

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---------------------------|-----------------------------------|--------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Thuế bị phạt, bị truy thu | 10.530 | 3.663.273 |
| Chi phí khác | 915.000 | 106.898.725 |
| Cộng | 925.530 | 110.561.998 |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Văn phòng công ty giữa niên độ (tiếp theo)**7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được tính như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế tại Văn phòng Công ty | 4.166.416.907 | 4.974.090.757 |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế Chi nhánh chuyển về Văn phòng | (342.302.780) | 60.157.397 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | |
| Các khoản điều chỉnh tăng | 59.771.852 | 137.298.921 |
| - Thuế bị phạt, truy thu tại Văn phòng | 10.530 | 3.663.273 |
| - Thuế bị phạt, truy thu tại chi nhánh | 4.459.825 | 4.459.825 |
| - Chi phí không hợp lý, hợp lệ | 55.301.497 | 129.175.823 |
| Các khoản điều chỉnh giảm | - | - |
| Thu nhập tính thuế | 3.883.885.979 | 5.171.547.075 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 20% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | 776.777.196 | 1.034.309.415 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm | (233.033.159) | - |
| Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp | 543.744.037 | 1.034.309.415 |

8. Chi phí sản xuất theo yếu tố

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 2.731.663.804 | 6.798.186.138 |
| Chi phí nhân công | 4.786.934.150 | 3.945.682.454 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.255.773.404 | 1.245.007.650 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 4.891.646.390 | 4.629.545.037 |
| Chi phí khác | 250.876.678 | 818.455.358 |
| Cộng | 13.916.894.426 | 17.436.876.637 |

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ VĂN PHÒNG CÔNG TY GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Các giao dịch không bằng tiền**

Trong kỳ Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|-----------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lãi tiền gửi nhập gốc | - | 7.939.726 |
| Bù trừ tiền cọc vào tiền thuê khách sạn và thuê tàu | 666.666.667 | 1.000.000.002 |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Văn phòng công ty giữa niên độ (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty giữa niên độ.

2. Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

A, Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Bà Nguyễn Thị Việt Loan | | |
| Đối trừ tiền thuê khách sạn và khoản đặt cọc | 666.666.667 | 1.000.000.002 |
| Phải thu chi phí sửa chữa tàu | 445.079.645 | |
| Tiền hợp tác kinh doanh phải trả | 308.959.256 | 297.614.665 |
| Bù trừ tiền hợp tác kinh doanh | 445.079.645 | |
| Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.6b; V.16a và V.16b./. | | |

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--------------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Tiền lương | 528.454.765 | 679.364.766 |
| Thù lao | 119.852.800 | 85.497.600 |
| Tiền cổ tức được phân phối (*) | 1.355.961.600 | 2.144.032.800 |
| Cộng | 2.004.269.165 | 2.908.895.166 |

(*) Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 số 115/2020/ĐS3/NQ - ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 06 năm 2020. Số tiền để chia cổ tức là: 6.401.838.000 đồng, chia cổ tức 600 đồng/CP.

Đến 30 tháng 6 năm 2020, Công ty chưa chi trả khoản cổ tức này.

B, Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| <u>Bên liên quan khác</u> | <u>Mối quan hệ</u> |
|-----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
| Công ty Cổ phần du lịch AST | Bà Nguyễn Thị Việt Loan – chủ tịch HĐQT của DS3, đồng thời là Tổng giám đốc của AST |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Văn phòng công ty giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|-----------------------------------------------|------------------------------------------|------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Công ty Cổ phần du lịch AST | | |
| <i>Phải thu dịch vụ vận chuyển hành khách</i> | 755.233.737 | 2.378.146.848 |
| <i>Tiền thu từ cung cấp dịch vụ</i> | 261.879.000 | 3.049.000.000 |

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.3./.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

A, Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Giám đốc đã ban hành qui chế bán hàng, cung cấp dịch vụ với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị nhà nước và đơn vị là bên liên quan nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

B, Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Văn phòng công ty giữa niên độ (tiếp theo)

| | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm | Cộng |
|-------------------------|-----------------------|-------------------------|------------|-----------------------|
| Số cuối kỳ | | | | |
| Vay và nợ | 1.707.304.265 | - | - | 1.707.304.265 |
| Phải trả người bán | 557.816.643 | - | - | 557.816.643 |
| Các khoản phải trả khác | 9.845.114.169 | 9.515.493.360 | - | 19.360.607.529 |
| Cộng | 12.110.235.077 | 9.515.493.360 | - | 21.625.728.437 |
| Số đầu năm | | | | |
| Vay và nợ | 7.912.386.752 | - | - | 7.912.386.752 |
| Phải trả người bán | 4.495.740.460 | - | - | 4.495.740.460 |
| Các khoản phải trả khác | 2.804.362.033 | 5.064.663.749 | - | 7.869.025.782 |
| Cộng | 15.212.489.245 | 5.064.663.749 | - | 20.277.152.994 |

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

C, Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Văn phòng công ty giữa niên độ (tiếp theo)**D, Tài sản đảm bảo***Tài sản thế chấp cho đơn vị khác*

| | <u>Nguyên giá</u> | <u>Giá trị còn lại</u> |
|---------------------------|-----------------------------|---------------------------|
| Nhà văn phòng Công ty | 1.151.938.000 | 146.698.848 |
| Nhà gara ô tô 1 | 32.952.000 | - |
| Cổng và tường rào công ty | 138.972.000 | - |
| Hệ thống rãnh nước | 35.708.511 | - |
| Bếp ăn tập thể | 115.712.000 | - |
| Sân bê tông | 131.803.469 | - |
| Nhà gara ô tô 2 | 144.545.455 | 63.573.263 |
| Xe ô tô Camry 14D-2099 | 902.984.598 | - |
| Cộng | <u>2.654.616.033</u> | <u>210.272.111</u> |

Và giá trị tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 25, tờ bản đồ số 42 Phường Hồng Hà, Thành Phố Hạ Long theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 919801, vào sổ GCN CT05778 do Sở TNMT tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 23/01/2017 đứng tên Công ty Cổ phần Quản lý Đường Sông số 3, giá trị theo biên bản định giá là 3.161.000.000 đồng đang được thế chấp tại ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ninh.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

| | <u>Giá trị sổ sách</u> | | <u>Giá trị hợp lý</u> | |
|-------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 1.894.222.672 | 3.010.602.338 | 1.894.222.672 | 3.010.602.338 |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 4.000.000.000 | - | 4.000.000.000 | - |
| Phải thu khách hàng | 44.422.090.831 | 45.565.476.638 | 44.422.090.831 | 45.565.476.638 |
| Các khoản phải thu khác | 54.085.034.584 | 53.802.167.965 | 54.085.034.584 | 53.802.167.965 |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | <u>2.450.000.000</u> | <u>2.450.000.000</u> | <u>2.450.000.000</u> | <u>2.450.000.000</u> |
| Cộng | <u>106.851.348.087</u> | <u>104.828.246.941</u> | <u>106.851.348.087</u> | <u>104.828.246.941</u> |
| Nợ phải trả tài chính | | | | |
| Vay và nợ | 1.707.304.265 | 7.912.386.752 | 1.707.304.265 | 7.912.386.752 |
| Phải trả người bán | 557.816.643 | 4.495.740.460 | 557.816.643 | 4.495.740.460 |
| Các khoản phải trả khác | 19.360.607.529 | 7.869.025.782 | 19.360.607.529 | 7.869.025.782 |
| Cộng | <u>21.625.728.437</u> | <u>20.277.152.994</u> | <u>21.625.728.437</u> | <u>20.277.152.994</u> |

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Văn phòng công ty giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính/kỳ kế toán. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc năm tài chính thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.
- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác dài hạn, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và không có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

5. Những thông tin khác

Số liệu so sánh đầu năm được lấy theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán và số liệu so sánh cùng kỳ năm trước được lấy theo Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được soát xét bởi Công ty TNHH kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Lập ngày 12 tháng 08 năm 2020

Người lập biểu

Đinh Thị Toàn

Kế toán trưởng

Bùi Nhật Lệ



Phạm Văn Phả